|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  |  |
| Số: /BC-BCT |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 6 THÁNG ĐẦU NĂM,
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

 **I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 6 THÁNG NĂM 2019**

Năm 2019 được xác định là năm bứt phá để hoàn thành thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện phương châm hành động "*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả*", ngay từ những tháng đầu năm, Bộ Công Thương đã tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội, cụ thể: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; [Nghị quyết số 02/NQ-CP](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-quyet-02-nq-cp-2019-ve-giai-phap-cai-thien-moi-truong-kinh-doanh-nam-2019-169790-d1.html) ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; xây dựng các nhiệm vụ cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực giao cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhằm thúc đẩy, giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh một cách quyết liệt, hiệu quả hơn, củng cố niềm tin cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp, nỗ lực phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa; tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển ngành... kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

**1. Về sản xuất công nghiệp**

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước, duy trì tỷ lệ tăng dần qua các tháng (1T tăng 7,9%; 2T tăng 9,2%; 3T tăng 9,2%; 4T tăng 9,1%; 5T tăng 9,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 10,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,8%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,4%; ngành khai khoáng tăng 1,2%.

- Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm ước tính tăng 9,13% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 9%; quý II tăng 9,24%), thấp hơn mức tăng 9,28% của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 7,01% và 5,42% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017.

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng của toàn ngành với mức tăng 11,18% (quý I tăng 11,52%; quý II tăng 10,9%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,63%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,79%. Ngành khai khoáng tăng 1,78% sau 3 năm giảm liên tục[[1]](#footnote-2)(do khai thác dầu thô có mức giảm thấp hơn cùng kỳ năm trước và khai thác than, quặng kim loại đều tăng cao).

 Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 6 tháng đầu năm 2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 69,1%; sản xuất kim loại tăng 40,1%; khai thác quặng kim loại tăng 18,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 15,1%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,7%; khai thác than cứng và than non tăng 11,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 11,7%; dệt tăng 11,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 11,4%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sắt, thép thô tăng 66,2%; xăng, dầu tăng 58,1%; ti vi tăng 29,2%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 17,9%; ô tô tăng 12,8%; than sạch tăng 11,8%; điện thoại di động tăng 11,1%.

- Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tính chung 6 tháng đầu năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước (*cùng kỳ năm 2018 tăng 11,9%*), trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 64,9%; sản xuất kim loại tăng 31,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 12,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,5%; sản xuất đồ uống tăng 10,1%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 0,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 2,3%; sản xuất phương tiện vận tải khác (mô tô, xe máy).

- Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2019 tăng 16,1% so với cùng thời điểm năm trước (*cùng thời điểm năm 2018 tăng 11,4%*), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 1,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 2,6%; sản xuất xe có động cơ giảm 4,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 16,1%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng thời điểm năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 141,1%; sản xuất phương tiện vận tải khác (mô tô, xe máy) tăng 117,6%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 73,1%; sản xuất kim loại tăng 48,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 32,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 31,3%; sản xuất trang phục tăng 23,7%.

***Nhận xét chung:***

- Tăng trưởng của các ngành sản xuất công nghiệp 6 tháng năm 2019 cơ bản đã và đang bám sát theo kịch bản đề ra từ đầu năm, với tốc độ tăng giá trị tăng thêm 9,13%, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,5%. Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế; sản xuất và phân phối điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; khai khoáng bước đầu có mức tăng nhẹ 1,78% sau nhiều năm liên tiếp giảm.

- Ngành khai khoáng khai thác vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu giảm 7%) tại kịch bản tăng trưởng nhờ khai thác than tăng cao (tăng 1,2%), bù đắp cho sự sụt giảm của khai thác dầu thô.

- Ngành điện sản xuất, cung ứng và phân phối điện theo kế hoạch, vận hành hệ thống điện an toàn, linh hoạt, kịp thời, tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra, tăng trưởng 9,8% (mục tiêu là 9,6%).

 - Ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt thấp hơn mục tiêu đề ra của Bộ Công Thương, tăng 10,8% (mục tiêu là 12,7%) và thấp hơn so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 12,7%). Tuy nhiên vẫn là điểm sáng, đóng góp chính vào tăng trưởng của khu vực công nghiệp và tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Nguyên nhân tăng trưởng của nhóm công nghiệp chế biến chế tạo đạt thấp chủ yếu (1) do một số dự án lớn có đóng góp cho tăng trưởng trong lĩnh vực công nghiệp như: Liên hợp lọc dầu Nghi Sơn gặp sự cố về điện nên đã phải tạm dừng hoạt động 33 ngày, từ ngày 24/02/2019 đến ngày 29/3/2019; (2) Nhà máy đạm Phú Mỹ dừng hoạt động 69 ngày, từ ngày 20/02/2019 đến ngày 30/4/2019; (3) Samsung đang ở chu kỳ chuyển đổi sản phẩm, nên sản lượng và xuất khẩu thấp hơn nhiều so với cùng kỳ; (4) các dự án ngành điện bị chậm tiến độ do vướng mắc trong thực hiện Luật quy hoạch và công tác đền bù giải phóng mặt bằng ngày càng khó khăn, phức tạp nhất là các dự án lưới điện truyền tải.

Qua thực tế 6 tháng đầu năm triển khai thực hiện và sơ bộ tới thời điểm này cho thấy, để đạt được mục tiêu tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp 9-10%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12-13%, ngành Công Thương cần nỗ lực, tận dụng mọi cơ hội và tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Động lực tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng cuối năm 2019 có thể kể đến như sau:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo trong tháng 5, tháng 6 đã tăng cao hơn các tháng đầu năm. Đáng chú ý là ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học tháng 5 bắt đầu phục hồi sau 2 tháng liên tiếp tăng trưởng âm. (*tháng 5 tăng 6,5%; tháng 4 giảm 3%; tháng 3 giảm 3,3% so với cùng kỳ*). Qua đó tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng của ngành này trong các tháng tiếp theo.

- Nhiều ngành hàng của Việt Nam được đánh giá sẽ hưởng lợi để thay thế cho hàng Trung Quốc trên thị trường Mỹ, đặc biệt là dệt may và da giày đã có đơn hàng ổn định đến hết năm, cùng với đó là sự chuyển dịch đầu tư từ nền kinh tế thứ hai thế giới sang những thị trường lân cận sẽ thúc đẩy dòng chảy FDI. Sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2019 là cơ sở để kỳ vọng hoạt động sản xuất, xuất khẩu sẽ có những bứt phá trong những tháng tới.

- Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn sau thời gian bị sự cố đã chính thức vận hành lại các phân xưởng sản xuất. Đây sẽ là nhân tố hỗ trợ cho tăng trưởng ngành công nghiệp và thu ngân sách của những tháng tiếp theo.

- Dự kiến sản xuất ô tô sẽ tăng mạnh trong các tháng tới khi Nhà máy sản xuất ô tô VinFast sẽ khánh thành vào ngày 14/6/2019 và chính thức đưa vào hoạt động nhà máy vào tháng 6 thay vì tháng 9/2019 như kế hoạch.

- Ngành thép năm 2019 dự kiến sẽ tăng trưởng tốt, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Trong đó, động lực là dự án thép Formosa Hà Tĩnh năm 2019 sẽ đi vào vận hành 2 lò cao hết công suất, đạt công suất 7,5 triệu tấn/năm. Năm 2018, dự án này mới huy động khoảng 4,5 triệu tấn. Một dự án khác là Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất cũng có kế hoạch đi vào vận hành trong năm 2019. Theo đó, lò cao số 1 dự kiến sẽ đi vào sản xuất trong tháng 6/2019, các lò cao còn lại sẽ hoàn thành theo tiến độ 4 tháng/lò. Dự tính, nếu huy động hết công suất sẽ sản xuất khoảng 2 triệu tấn thép. Qua đó đóng góp vào tăng trưởng của ngành thép nói riêng và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói chung.

**2. Về xuất nhập khẩu**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm đã vượt mức 200 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 122,42 tỷ USD, tăng 7,1%, nhập khẩu ước đạt 120,78 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2018.

### 2.1. Xuất khẩu hàng hoá

Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 122,42 tỷ USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2018 (thấp hơn mức tăng 16,4% của cùng kỳ năm 2018 so với năm 2017), bằng 46,55% kế hoạch năm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 36,67 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2018; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 85,75 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Tăng trưởng xuất khẩu diễn biến theo chiều hướng tăng dần qua các tháng và dần tiệm cần với chỉ tiêu Quốc hội đề ra năm 2019 (tăng trưởng đạt 7-8%).

***2.1.1. Về nhóm hàng và mặt hàng xuất khẩu***

Tính đến hết tháng 6 năm 2019, đã có 22 mặt hàng xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, tăng 1 mặt hàng so với 6 tháng năm 2018. Có tới 35/45 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2018. Đáng chú ý là 6 tháng đầu năm nay được bổ sung thêm 2 mặt hàng mới đạt giá trị trên 2 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước là rau quả và xơ, sợi dệt với kim ngạch xuất khẩu đạt lần lượt là 2,08 tỷ USD và 2,01 tỷ USD.

5 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất là điện thoại các loại và linh kiện (ước đạt 23,47 tỷ USD, tăng 3,8%), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (ước đạt 15,5 tỷ USD, tăng 13,9%), hàng dệt và may mặc (ước đạt 15,04 tỷ USD, tăng 9,9%), giày dép các loại (ước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 14,2%), máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (ước đạt 8,22 tỷ USD, tăng 6,3%).

Cụ thể tăng trưởng các nhóm hàng xuất khẩu như sau:

- *Nhóm hàng nông sản, thủy sản:* nhu cầu và giá nông sản có xu hướng giảm khiến cho xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong nửa đầu năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản đã sụt giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2018, ước đạt 12,4 tỷ USD. Trong nhóm hàng này, thủy sản là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất với 3,93 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2018. Xuất khẩu cà phê cũng giảm 10,6% về lượng và 21,1% về kim ngạch; Gạo giảm 2,9% về lượng và 17,6% về kim ngạch; Sắn và các sản phẩm từ sắn giảm 17,7% về lượng và 13,9% về kim ngạch. Một số mặt hàng có kim ngạch tăng có thể kể tới như: Hàng rau quả tăng 5%, chè tăng 7,5%, hạt tiêu tăng 1,9%, cao su tăng 0,3%.

*- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản:* Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 2,31 tỷ USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu than đá giảm mạnh 54,3%; Dầu thô tăng 6,4% về lượng nhưng giảm 1,7% về trị giá; Xăng dầu các loại tăng 9,2% về lượng và 7,3% về trị giá; quặng và khoáng sản khác giảm 18,6% về lượng nhưng tăng 14% về trị giá.

*- Nhóm hàng công nghiệp chế biến:* Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm 2019 chủ yếu là nhờ vào đà tăng trưởng của nhóm hàng công nghiệp chế biến. Cụ thể, nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đóng vai trò đầu tàu xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2019 với kim ngạch đạt 102,25 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm tới 83,5% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nhìn chung các mặt hàng chủ lực của nhóm công nghiệp chế biến đều tăng so với cùng kỳ năm 2018 như: Điện thoại các loại và linh kiện tăng 3,8%, đạt 23,5 tỷ USD; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 13,9%, đạt 15,5 tỷ USD; Hàng dệt may tăng 9,9%, đạt 15,04 tỷ USD; Giày, dép các loại tăng 14,2%, đạt 8,81 tỷ USD; Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 17,7%, đạt 4,87 tỷ USD; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 6,3%, đạt 8,22 tỷ USD...

***2.1.2. Về thị trường xuất khẩu***

Việt Nam đã tận dụng tốt các ưu đãi về thuế quan trong các FTA đã ký kết để mở rộng các thị trường xuất khẩu mới. Việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với các cam kết cắt giảm thuế quan của các đối tác đối với hàng có xuất xứ Việt Nam cũng làm tăng khả năng cạnh tranh và giúp hàng hóa của Việt Nam mở rộng thị phần tại các thị trường đối tác. Trong 6 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu sang các thị trường có ký kết FTA với Việt Nam đa số đều đạt mức tăng trưởng tốt như xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 9,68 tỷ USD, tăng 9,1%; xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 9,24 tỷ USD, tăng 6,0%; xuất khẩu sang ASEAN đạt 13,067 tỷ USD, tăng 6,7%.

Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường là thành viên CPTPP đạt mức tăng tốt, thể hiện bước đầu tận dụng hiệu quả các cam kết từ hội nhập để thúc đẩy xuất khẩu, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu. 6 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu sang Canada tăng 31,5% (đạt 1,81 tỷ USD); Mexico tăng 22,4% (đạt 1,3 tỷ USD).

Riêng thị trường Mỹ, xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 tăng 27,4% so với cùng kỳ, ước đạt 27,5 tỷ USD (cùng kỳ năm trước tăng 9,8%).

***2.1.3. Chủ thể xuất khẩu***

Khối doanh nghiệp trong nước tiếp tục ghi nhận sự vươn lên mạnh mẽ. Tính đến hết tháng 6/2019, kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) ước đạt 85,7 tỷ USD, chỉ tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước; Khối doanh nghiệp có vốn trong nước ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 36,67 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu chung cũng tăng nhẹ từ mức 29,1% của cùng kỳ năm 2018 lên mức 30% trong 6 tháng đầu năm 2019.

**2.2. Về nhập khẩu**

Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 120,78 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 51,66 tỷ USD, tăng 12,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 69,12 tỷ USD, tăng 6,1%.

***2.2.1. Về nhóm hàng và mặt hàng nhập khẩu***

*- Nhóm hàng cần nhập khẩu*:Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 106,43 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 88,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch cao nhất, đạt 23,87 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2018; Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng cũng tăng mạnh 12,5%, đạt 17,54 tỷ USD; Vải các loại đạt 6,55 tỷ USD, tăng 4,4%; Sản phẩm từ chất dẻo tăng 7,4%; Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày tăng 5,1%....

Hai mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh nhất là dầu thô và than đá, tăng lần lượt là 257,8% và 65,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm gồm có: Xăng dầu các loại giảm 40,3%, thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 5,7%, phân bón giảm 10,1%...

*- Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 8,71 tỷ USD, chiếm 7,2% tỷ trọng nhập khẩu và tăng 21,7% so với cùng kỳ.

Những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao trong nhóm này là: Rau quả tăng 35,1%, chế phẩm thực phẩm khác tăng 29,2%, máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 9%, bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc tăng 12,6%,…

 Đáng chú ý, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ nhập khẩu tăng tới 6,6 lần về lượng và 5,5 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2018, đạt 56.670 chiếc với trị giá 1,07 tỷ USD.

***2.2.2. Thị trường nhập khẩu***

06 tháng đầu năm 2019, nhập khẩu từ Châu Á chiếm khoảng 80,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (chiếm 29,97% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, tăng 19,9%), Hàn Quốc (chiếm 18,8%, giảm 0,1%), ASEAN (chiếm 13,33%, tăng 5%), Nhật Bản (chiếm 7,2%, giảm 2,1%)…

**2.3. Cán cân thương mại hàng hóa**

Từ đầu năm 2019 đến nay, mặc dù có sự thâm hụt thương mại trong một vài tháng nhưng tính chung 6 tháng đầu năm 2019 cán cân thương mại của Việt Nam vẫn duy trì đà xuất siêu, với kim ngạch xuất siêu ở mức 1,64 tỷ USD. Khu vực FDI xuất siêu 16,6 tỷ USD. Nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 14,99 tỷ USD.

### 2.4. Đánh giá chung

***Về kết quả đạt được***

- Trong bối cảnh thương mại toàn cầu sụt giảm, xuất khẩu của nhiều nước trong khu vực tăng thấp hoặc giảm như Singapore 5 tháng năm 2019 giảm 0,88%%; Thái Lan giảm 2,7%, Ấn Độ chỉ tăng 2,37%; căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc tiếp tục diễn biến phức tạp, xu hướng bảo hộ mậu dịch ngày càng gia tăng thì kết quả xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 của Việt Nam có thể xem là một kết quả khá tích cực cho thấy sự nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp.

- Xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước ghi nhận sự vươn lên mạnh mẽ và tiếp tục có tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung. Khác với các năm trước đây, động lực tăng trưởng của khối trong nước không đến từ nhóm nông sản, thủy sản mà đến từ các mặt hàng thuộc nhóm công nghiệp. Cụ thể, trong khi xuất khẩu nhóm nông sản, thủy sản giảm 6,9% so với cùng kỳ thì nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2018, qua đó đóng góp vào mức tăng trưởng xuất khẩu 10,4% của khối doanh nghiệp trong nước. Xuất khẩu nhiều mặt hàng như gỗ và sản phẩm gỗ, các sản phẩm dệt may, sản phẩm chất dẻo, cao su,... của khối doanh nghiệp trong nước đều đạt mức tăng trưởng tốt. Điều này thể hiện những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hội nhập kinh tế quốc tế đã thực sự tác động, tạo thuận lợi cho sản xuất và hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Tăng trưởng xuất khẩu của khối các doanh nghiệp trong nước đã trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế.

- Khối doanh nghiệp trong nước đã bắt đầu tham gia nhiều hơn vào các ngành công nghiệp chế biến. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm 2019 chủ yếu là nhờ vào đà tăng trưởng của nhóm hàng công nghiệp chế biến, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm tới 83,5% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng từ mức 82% của 6 tháng năm 2018 lên 83,5% trong 6 tháng đầu năm 2019.

- Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu ổn định theo chiều hướng tích cực với kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu và máy móc thiết bị phục vụ chủ yếu cho sản xuất trong nước và gia công xuất khẩu tăng do nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng từ việc mở rộng sản xuất cũng như đầu tư mới của doanh nghiệp.

***Một số tồn tại, hạn chế***

 - Xuất khẩu qua các tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng chưa thực sự bền vững. Cán cân thương mại chưa ổn định. Tăng trưởng xuất khẩu dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài như biến động của giá cả thị trường thế giới, gia tăng các rào cản thương mại, hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu.

- Chất lượng hàng hóa nông sản, thủy sản đã được chú trọng cải thiện nhưng chưa đồng đều, khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm còn hạn chế, tình trạng sản xuất vượt quá nhu cầu, cạnh tranh nội bộ (chủ yếu về giá cả) còn phổ biến,… dẫn đến bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong định giá xuất khẩu và gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận những thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản gặp nhiều khó khăn, một số mặt hàng xuất hiện tình trạng cung vượt cầu, giá xuất khẩu giảm, cạnh tranh gia tăng, nhu cầu tiêu thụ chững lại… Theo thống kê, giá xuất khẩu gạo đã giảm tới 15,1% so với cùng kỳ năm 2018, cà phê giảm 11,7%, cao su giảm 6%.

- Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang gặp nhiều trở ngại khi kể từ tháng 5/2019, Trung Quốc đã tăng cường công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc đối với trái cây nhập khẩu nói chung và dưa hấu nói riêng thông qua các quy định yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu của Trung Quốc tiến hành đăng ký mẫu tem nhãn truy xuất nguồn gốc tại cơ quan Hải quan Trung Quốc và dán tem nhãn này trên các sản phẩm/bao bì trái cây nhập khẩu. Tem nhãn bao gồm thông tin về vườn trồng, cơ sở đóng gói…Danh sách vườn trồng, doanh nghiệp đóng gói phải được cơ quan quản lý nước xuất khẩu thông báo chính thức cho phía Trung Quốc.

- Việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã mang lại nhiều cơ hội cắt giảm thuế quan, mở cửa thị trường. Tuy nhiên, năng lực cạnh tranh quốc gia, hoạt động thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, phát triển công nghiệp hỗ trợ, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực chưa có sự cải thiện rõ rệt để tận dụng tối đa lợi ích mang lại. Nhiều doanh nghiệp chưa có nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến mẫu mã sản phẩm, phương thức marketing trong thương mại quốc tế cũng như chưa chủ động kết nối với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý nhập khẩu chưa thực sự hiệu quả, chưa góp phần bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng phù hợp với các quy định của WTO đồng thời chưa góp phần quản lý tốt chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

***Dự báo tình hình xuất – nhập khẩu 6 tháng cuối năm 2019***

Xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt khoảng 122,42 tỷ USD, thấp hơn kịch bản tăng trưởng đề ra (là 123,5 tỷ USD). Như vậy, để đạt được mục tiêu xuất khẩu tăng trưởng từ 8 -10% Chính phủ giao cho ngành Công Thương (tương đương 263 tỷ USD), xuất khẩu 6 tháng cuối năm phải đạt bình quân 23 – 23,4 tỷ USD. Đây là nhiệm vụ rất khó khăn bởi lần gần nhất xuất khẩu của Việt Nam chạm mốc 23 tỷ USD đã từ tháng 8/2018, trong khi đó tình hình kinh tế, thương mại thế giới đang suy giảm như hiện nay cũng được cho không phải là môi trường thuận lợi để Việt Nam tăng tốc xuất khẩu trong những tháng còn lại của năm 2019. Mặc dù vậy, với những nỗ lực trong việc mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại đẩy mạnh xuất khẩu của Chính phủ, các bộ ban ngành và cộng đồng doanh nghiệp, xuất khẩu hàng hóa được kỳ vọng có thể hoàn thành mục tiêu đề ra.

**3. Về phát triển thị trường trong nước**

Trong 6 tháng đầu năm, cung cầu các hàng hóa thiết yếu cơ bản ổn định, không có hiện tượng tăng giá đột biến. Riêng mặt hàng thịt lợn, giá giảm do dịch bệnh tả lợn Châu Phi bùng phát tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước (*đến nay chỉ còn 3 địa phương chưa xảy ra dịch tả lợn châu Phi gồm: Ninh Thuận, Tây Ninh và Bến Tre*) và thời tiết nắng nóng làm giảm nhu cầu tiêu thụ. Tuy nhiên hiện nay giá thịt lợn hơi đã tăng trở lại do nguồn cung thị trường bắt đầu có dấu hiệu giảm do quy mô chăn nuôi tại các hộ gia đình giảm mạnh. Các nhóm hàng vật liệu xây dựng như thép, xi măng đều điều chỉnh tăng giá do giá nguyên liệu đầu vào tăng (giá điện, than cho sản xuất xi măng, xăng dầu, quặng sắt đều tăng). Nhóm hàng nguyên liệu và năng lượng chịu ảnh hưởng của giá thế giới trước các biến động của các vấn đề chính trị và thương mại giữa các nước lớn nên có biến động tăng giảm đan xen. Các mặt hàng khác như lương thực, phân bón, giấy, đường giá tương đối ổn định.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm nay đạt tốc độ tăng cao so với cùng kỳ năm trước (11,5%), thể hiện cầu tiêu dùng trong dân tăng. Lượng cung hàng hóa trên thị trường dồi dào, đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Thị trường tiêu thụ được mở rộng, đa dạng hóa các hình thức khuyến mại góp phần làm sôi động thị trường trong những tháng đầu năm 2019. Cụ thể:

6 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.391,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước[[2]](#footnote-3), thấp hơn mức tăng của 6 tháng năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 6 tháng của các năm giai đoạn 2015-2017, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,7% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,6%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đạt 1.823,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,3% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành hàng lương thực, thực phẩm tăng 13%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 12,1%; may mặc tăng 11,1%; vật phẩm văn hoá, giáo dục và phương tiện đi lại cùng tăng 10,7%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 6 tháng năm nay ước tính đạt 286,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 12% tổng mức và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành 6 tháng ước tính đạt 21,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác 6 tháng ước tính đạt 258,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng mức và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Có thể nói, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tốt, tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng cả năm 2019 ở mức 11,5-12%. Bộ Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác điều hành giá mặt hàng xăng dầu để hạn chế thấp nhất sự tác động cộng hưởng vào CPI chung khi có sự điều chỉnh tăng giá điện trong tháng 3.

***Một số tồn tại, khó khăn đối với công tác bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường***

Tình hình kinh tế chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, thường xuyên thay đổi ảnh hưởng đến chính sách quản lý, giá cả hàng hóa thế giới. Giá cả các nguyên liệu đầu vào và giá các hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới có nhiều biến động bất thường, không tuân theo quy luật hàng năm do đó ảnh hưởng tới biến động giá nhiều hàng hóa thiết yếu trong nước nhất là nhóm hàng nhiên liệu năng lượng.

Dịch bệnh tả lợn Châu Phi có diễn biến phức tạp và đang có xu hướng lan rộng trên nhiều tỉnh, thành phố có thể gây ảnh hưởng tới nguồn cung thịt lợn trong nước dịp cuối năm, đòi hỏi cơ quan quản lý phải theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh và có đề xuất biện pháp ứng phó kịp thời, tránh tình trạng thiếu nguồn cung gây tăng giá cao đối với mặt hàng thịt lợn.

***Dự báo tình hình và rà soát khả năng thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng năm 2019***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2.391,1 tỷ đồng, đã vượt mục tiêu đề ra tại kịch bản tăng trưởng ngành Công Thương (là 2.372.755 tỷ đồng). Trong 6 tháng cuối năm 2019, thị trường hàng hóa trong nước được dự báo chưa có thêm yếu tố tác động bất lợi nên dự kiến Tổng mức bán lẻ hàng hóa cả năm 2019 vẫn đạt được mức tăng trưởng như kế hoạch đã đề ra ở mức 4.903-4.923 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5-12% so với năm 2018.

1. **GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

***Một là***, tập trung bám sát tình hình, theo dõi diễn biến thị trường trong nước và ngoài nước để có các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh (đặc biệt là ở các dự án lớn, địa bàn trọng điểm về sản xuất công nghiệp và thương mại) và phản ứng chính sách kịp thời --> Bộ Công Thương xác định từ đầu năm đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt phải tập trung bám sát thực hiện. Theo đó, Bộ Công Thương ưu tiên dành thời gian để làm việc với cơ sở, nắm sát tình hình để đôn đốc, kiểm tra, xử lý công việc.

***Hai là***, Kiên trì thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu, khơi thông thị trường xuất khẩu. Xác định tiếp tục tập trung mạnh vào đổi mới, nâng cao hiệu quả của cơ chế phối hợp với các Bộ ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp để tạo sự kết nối, phối hợp đồng bộ hơn trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thương mại quốc tế như vượt qua các rào cản thương mại, kiểm dịch động thực vật, các vấn đề về chống trợ cấp, chống bán phá giá của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, vấn đề gian lận xuất xứ khi nguy cơ hàng hóa Trung Quốc “mượn đường” và “mượn xuất xứ” của Việt Nam để vào Mỹ.

Bộ Công Thương thời gian qua đã có các văn bản gửi VCCI đề nghị tăng cường kiểm tra hồ sơ cấp C/O cho hàng hóa xuất khẩu sang Hoa Kỳ để phòng tránh gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa, tác động xấu đến sản xuất trong nước; đồng thời tiếp tục chỉ đạo Sở Công Thương các địa phương yêu cầu tăng cường cường quản lý, phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình đầu tư, sản xuất, cập nhật tình hình các dự án đầu tư sản xuất trên địa bàn (như mặt hàn gỗ dán), kịp thời báo cáo Bộ Công Thương khi có dấu hiệu gian lận thương mại về xuất xứ; chỉ đạo Tổng cục Quản lý thị trường tăng cường các biện pháp quản lý, triển khai chuyên đề đấu tranh, phòng chống gian lận thương mại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gỗ dán.

***Ba là***, Thực hiện đồng bộ và triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN để mở rộng thị trường xuất khẩu, kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu; tích cực chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các FTA thế hệ mới. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Hiệp định CPTTP của Chính phủ và của các Bộ ngành, địa phương. Đối với Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – EU (EVFTA và IPA), Bộ Công Thương sẽ tiếp tục tập trung triển khai các bước tiếp theo nhằm sớm hoàn tất phê chuẩn Hiệp định.

***Bốn là***, tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển bứt phá thị trường trong nước, phát huy vai trò của khu vực thị trường trong nước để đóng góp vào tăng trưởng tốt hơn. Theo đó, Bộ Công Thương sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả, thị trường trong nước, nhất là các mặt hàng thiết yếu; đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện quy định về đăng ký giá, kê khai giá và việc chấp hành theo quy định của pháp luật về quản lý giá; phối hợp trong công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với công tác điều hành của nhà nước và bình ổn thị trường hàng hóa./.

1. Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành khai khoáng 6 tháng đầu năm các năm 2016-2019 lần lượt là: giảm 2,25%; giảm 7,8%; giảm 1,32%; tăng 1,78%. [↑](#footnote-ref-2)
2. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng các năm 2015-2019 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 10,6%; 10%; 10,3%; 11,9%; 11,5%. [↑](#footnote-ref-3)